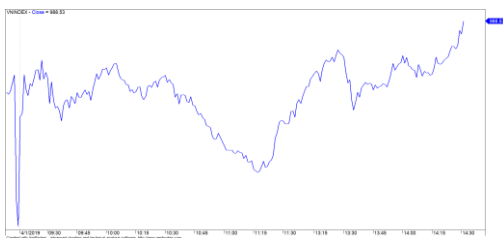


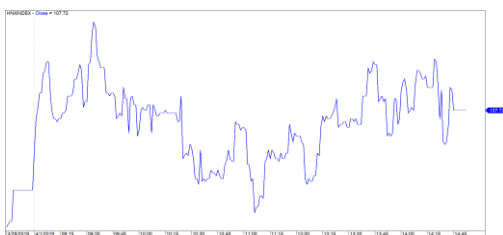
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	988.53	107.72	57.27
% ngày	0.79%	0.26%	-0.40%
% tuần	1.90%	1.23%	0.88%
% tháng	0.91%	0.43%	2.86%
% năm	-15.83%	-18.68%	-5.59%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,156	352	260
TB 1 tuần	3,812	440	299
TB 1 tháng	4,670	613	340
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	481.67	15.96	32.64
Bán	409.89	14.23	21.12
Giá trị ròng	71.78	1.73	11.51
Độ rộng TT			
Mã Tăng	153	68	165
Mã Giảm	157	81	123
Không Đổi	75	233	567
Chỉ số chính			
P/E	16.74	10.06	17.53
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,219	204	1,009
LS Cổ tức	3.02%	4.37%	4.97%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNXINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sau những diễn biến tích cực từ cuộc đàm phán thương mại Mỹ - Trung, tiếp bước đà tăng mạnh từ cuối phiên trước, nếu không tính đến sự giảm điểm nhẹ của chỉ số KLCI ở Malaysia, tất cả các chỉ số tại TTCK Châu Á đều có một phiên giao dịch đầu tháng 04 khởi sắc và sắc xanh vẫn được duy trì. Sàn Tokyo tăng 1.43%; Trung Quốc tăng 2.58%, HongKong tăng 1.76% và Seoul tăng 1.29%.

Kết thúc phiên đầu tháng 04/2019, chỉ số VN-Index và HNX-Index vẫn giữ được sắc xanh trong khi chỉ số UPCOM-Index lại giảm điểm nhẹ. Cụ thể, chỉ số VN-Index tăng 0.79% lên 988.53 điểm, chỉ số HNX-Index tăng 0.27% lên 107.72 điểm, chỉ số UPCOM-Index giảm 0.41% xuống 57.27 điểm. Giá trị giao dịch cả 3 sàn đạt hơn 4,900 tỷ đồng.

Các cổ phiếu dòng dầu khí tăng điểm PVX tăng 1.9%, GAS tăng 2.5%, PLX tăng 2.7% và PVD tăng 2.8%. Bên cạnh đó, các cổ phiếu Largecaps như MSN, VNM, VRE, VHM, VCG, SSI, KDC cũng tăng đáng kể vào phiên ATC. Cổ phiếu đáng chú ý nhất hôm nay trên sàn HSX là HVG và CLL khi cả 2 mã này đều giảm điểm vào phiên sáng nhưng lại đảo chiều vào cuối ngày và đóng cửa tăng trần.

Tổng giá trị mua ròng trên cả 3 sàn là 85 tỷ đồng. Dòng tiền tập trung vào các cổ phiếu có vốn hoá lớn như MSN, VRE, VCB, VNM, VIC trên sàn HSX và VEA, HVN, MCH, QNS, QHW, GEG trên sàn UPCOM. Chứng chỉ quỹ E1VFN30 sau nhiều phiên dẫn đầu top mua ròng trên sàn HSX cuối cùng trong phiên này cũng hạ nhiệt.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ kiểm định lại đường trung bình 20 ngày của chỉ số VN-Index (tức là mức 991.5 điểm). Đồng thời, thị trường có thể sẽ bước vào giai đoạn tích lũy và phân hóa trong những phiên giao dịch tới. Điểm tích cực chúng tôi nhận thấy là dòng tiền ngắn hạn đã quay trở lại xu hướng tăng. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tăng nhẹ cho thấy cơ hội giải ngân mới có dấu hiệu tăng nhẹ.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì ở mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 996.60 điểm của chỉ số VN-Index và 109.55 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, theo quan điểm thận trọng, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục đứng ngoài thị trường. Vị thế mua mới nên chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu với tỷ trọng thấp theo mức khuyến nghị.

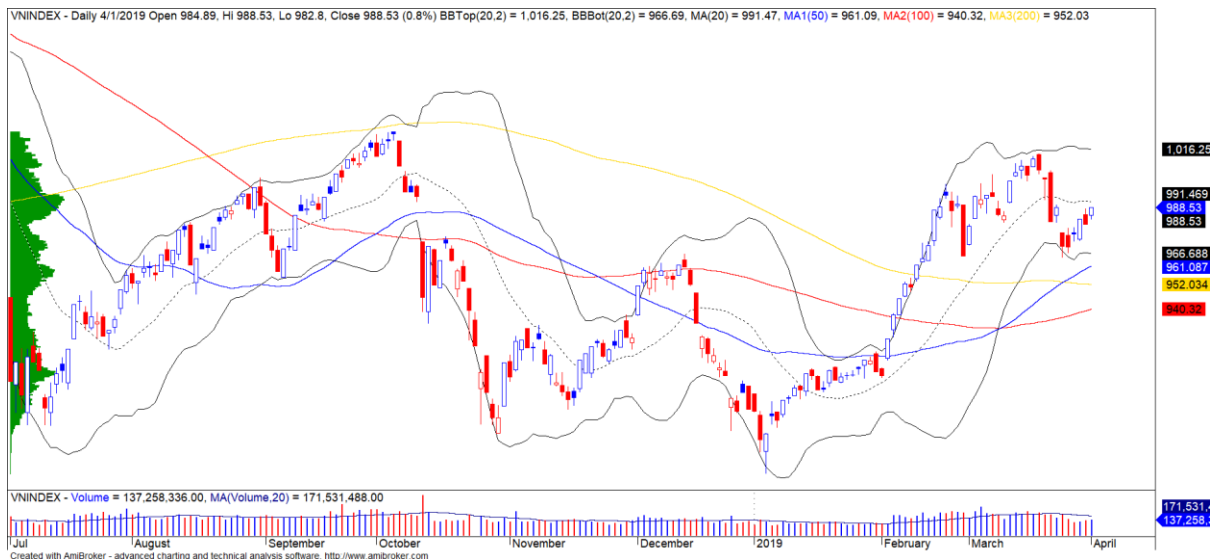
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 34% cổ phiếu/67% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	TĂNG	1,000	1,025	960	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	GIẢM	TĂNG	946	995	900	860
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	TĂNG	1,020	1,079	995	932
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	815	835	786	769



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17,300	TĂNG	TĂNG	16,850	16,098	2.67%		16,850	16,605	2.67%	MUA
ACB	30,300	GIẢM	GIẢM		31,389				33,291		
ACV	85,100	GIẢM	TĂNG		87,985			90,000	79,578	-5.44%	
ANV	25,900	GIẢM	GIẢM		27,059				30,999		
ASM	7,880	TĂNG	GIẢM	7,880	7,763	0.00%	MUA		8,747		
BFC	23,800	GIẢM	GIẢM		25,253				24,499		
BID	35,500	GIẢM	TĂNG		36,461			33,400	31,227	6.29%	
BMP	49,700	GIẢM	GIẢM		51,100				54,542		
BSR	12,700	GIẢM	GIẢM		13,449				15,250		
BVH	95,000	TĂNG	TĂNG	94,400	93,213	0.64%		86,000	88,082	10.47%	
BWE	26,000	GIẢM	TĂNG	25,700	26,133	1.69%	BÁN	20,000	24,073	30.00%	
CEO	12,400	GIẢM	GIẢM		13,025				14,755		
CHP	22,300	GIẢM	TĂNG		22,760			23,000	20,866	-3.04%	
CII	24,800	TĂNG	GIẢM	24,550	23,536	1.02%			25,832		
CMX	22,150	TĂNG	TĂNG	17,600	20,916	25.85%		5,910	17,222	274.79%	
CSM	15,200	GIẢM	TĂNG		15,766			14,390	14,225	5.63%	
CTD	141,900	TĂNG	GIẢM	141,100	138,354	0.57%			152,115		
CTG	22,250	TĂNG	TĂNG	19,550	22,063	13.81%		22,700	19,639	-1.98%	
CTI	25,100	TĂNG	TĂNG	25,900	24,268	-3.09%		26,850	23,186	-6.52%	
CTR	25,700	GIẢM	N/A		27,545				3,703		
CVT	25,050	TĂNG	TĂNG	25,050	24,997	0.00%	MUA	22,550	21,648	11.09%	
DCM	9,050	GIẢM	GIẢM		9,312				9,978		
DGC	41,900	GIẢM	GIẢM		43,921				47,020		
DGW	22,750	GIẢM	GIẢM		23,734				25,127		
DHA	34,850	TĂNG	TĂNG	32,250	33,501	8.06%		29,100	30,150	19.76%	
DHC	35,700	TĂNG	TĂNG	32,700	34,023	9.17%		35,200	29,501	1.42%	
DHG	118,000	TĂNG	TĂNG	77,500	115,203	52.26%		93,000	106,636	26.88%	
DIG	15,200	GIẢM	TĂNG		15,833			16,250	14,410	-6.46%	
DPG	59,000	TĂNG	TĂNG	46,800	57,692	26.07%		60,500	47,463	-2.48%	
DPM	19,550	GIẢM	GIẢM		20,191			19,400	19,804	2.08%	BÁN
DPR	37,500	GIẢM	GIẢM		39,385			35,950	37,926	5.50%	BÁN
DQC	25,900	GIẢM	TĂNG		27,564			31,000	24,753	-16.45%	
DRC	22,250	GIẢM	TĂNG		23,538			24,400	20,884	-8.81%	
DXG	22,450	GIẢM	GIẢM		23,177				26,665		
EIB	17,200	TĂNG	TĂNG	17,800	16,743	-3.37%		14,700	16,280	17.01%	
FCN	14,850	GIẢM	GIẢM		15,391				15,658		
FMC	27,900	GIẢM	GIẢM		28,417				31,369		
FPT	45,800	GIẢM	TĂNG		45,905			46,000	42,287	-0.43%	
GAS	100,700	GIẢM	TĂNG		102,027			101,000	89,867	-0.30%	
GEX	23,000	GIẢM	TĂNG		23,394			24,700	21,615	-6.88%	

We Create Fortune

GIL	37,900	GIẢM	TĂNG		39,613			39,000	35,350	-2.82%
GMD	26,450	GIẢM	GIẢM		27,436				29,123	
GTN	16,600	GIẢM	TĂNG		18,142			15,000	16,369	10.67%
HAG	5,460	TĂNG	TĂNG	5,870	5,460	-6.98%		5,650	5,152	-3.36%
HAX	16,700	GIẢM	GIẢM		17,634				17,965	
HBC	19,400	GIẢM	TĂNG		19,686			20,250	17,300	-4.20%
HCM	28,000	GIẢM	TĂNG		30,167			28,000	25,486	0.00%
HDB	29,550	GIẢM	GIẢM		31,214				33,267	
HDC	16,300	TĂNG	TĂNG	15,300	15,470	6.54%		16,000	14,808	1.88%
HDG	42,500	GIẢM	TĂNG		43,491			37,400	38,042	13.64%
HNG	15,450	TĂNG	GIẢM	16,050	15,283	-3.74%			16,554	
HPG	31,950	GIẢM	TĂNG		33,218			33,900	29,668	-5.75%
HSG	9,170	GIẢM	TĂNG		9,857			9,300	7,576	-1.40%
HT1	15,100	GIẢM	TĂNG		15,803			14,800	14,082	2.03%
HUT	4,000	GIẢM	GIẢM		4,254				4,302	
HVN	40,900	TĂNG	TĂNG	42,900	40,457	-4.66%		39,000	36,722	4.87%
KBC	14,700	GIẢM	TĂNG		15,016			13,450	13,730	9.29%
KDH	32,000	TĂNG	TĂNG	32,100	30,898	-0.31%		33,000	28,763	-3.03%
KSB	27,500	GIẢM	TĂNG		28,651			28,900	25,850	-4.84%
LCG	11,250	GIẢM	TĂNG		11,632			9,200	9,496	22.28%
LDG	13,650	GIẢM	GIẢM		14,162				16,547	
LHG	20,000	GIẢM	TĂNG		21,826			22,250	19,187	-10.11%
LPB	9,200	GIẢM	GIẢM		9,540				9,825	
LSS	6,130	GIẢM	GIẢM		6,440				6,858	
MBB	22,400	GIẢM	TĂNG		23,159			21,850	20,561	2.52%
MPC	44,600	TĂNG	TĂNG	47,800	42,620	-6.69%		47,500	39,995	-6.11%
MSN	88,000	TĂNG	TĂNG	88,000	86,532	0.00%	MUA	89,000	80,017	-1.12%
MSR	20,300	GIẢM	TĂNG		21,509			21,100	18,463	-3.79%
MWG	84,100	GIẢM	GIẢM		87,117				92,376	
NDN	13,100	GIẢM	TĂNG		13,958			13,700	11,838	-4.38%
NKG	7,350	GIẢM	GIẢM		7,463				7,821	
NLG	27,400	GIẢM	GIẢM		27,601				28,488	
NT2	26,950	GIẢM	TĂNG		28,677			25,900	26,915	4.05%
NTL	18,250	GIẢM	TĂNG		18,588			10,450	16,285	74.64%
NVL	55,500	GIẢM	GIẢM		59,184				63,950	
OIL	13,700	GIẢM	GIẢM		14,191				16,107	
PAC	38,250	TĂNG	GIẢM	38,000	37,250	0.66%			40,367	
PC1	23,300	GIẢM	GIẢM		24,457				25,195	
PDR	28,800	TĂNG	TĂNG	28,800	28,654	0.00%	MUA	29,000	25,668	-0.69%
PHR	52,500	GIẢM	TĂNG		53,398			24,000	46,883	118.75%
PLX	61,000	GIẢM	TĂNG		61,135			62,400	54,459	-2.24%
PNJ	100,300	GIẢM	TĂNG		103,165			104,000	91,930	-3.56%
POW	15,300	GIẢM	TĂNG		15,960			16,550	14,933	-7.55%
PPC	24,500	GIẢM	TĂNG		26,171			19,700	22,407	24.37%
PTB	63,400	GIẢM	TĂNG		64,625			64,000	57,355	-0.94%
PVD	18,400	TĂNG	TĂNG	18,400	18,190	0.00%	MUA	18,500	15,657	-0.54%



We Create Fortune

PVI	38,300	TĂNG	TĂNG	32,900	34,989	16.41%		33,000	32,619	16.06%	
PVS	21,000	GIẢM	TĂNG		21,623			21,100	18,765	-0.47%	
PXS	4,490	GIẢM	GIẢM		4,557				4,840		
QNS	42,600	GIẢM	TĂNG		43,813			41,500	3,543	2.65%	
REE	31,600	GIẢM	TĂNG		33,373			35,100	31,114	-9.97%	
SAB	249,700	TĂNG	TĂNG	252,000	242,205	-0.91%		245,000	227,704	1.92%	
SAM	7,500	TĂNG	TĂNG	7,090	7,302	5.78%		7,400	6,919	1.35%	
SCR	7,350	GIẢM	GIẢM		7,600				8,128		
SHI	7,930	GIẢM	TĂNG		8,234			6,990	6,929	13.45%	
SJS	23,000	TĂNG	TĂNG	18,800	22,390	22.34%		18,100	20,133	27.07%	
SKG	15,000	GIẢM	GIẢM		15,433				17,149		
SSI	27,700	GIẢM	TĂNG		28,066			29,500	26,024	-6.10%	
STB	12,400	GIẢM	TĂNG		12,712			13,000	11,486	-4.62%	
TCB	25,550	GIẢM	GIẢM		26,548				N/A		
TCM	30,800	GIẢM	TĂNG		31,502			28,000	28,136	10.00%	
TDH	10,700	GIẢM	GIẢM		12,382			11,650	10,730	-7.90%	
TLH	5,310	TĂNG	GIẢM	5,000	5,144	6.20%			5,686		
TNG	22,700	GIẢM	TĂNG		23,773			12,000	19,317	89.17%	
VCB	67,800	TĂNG	TĂNG	64,800	64,557	4.63%		62,000	61,041	9.35%	
VCG	27,900	GIẢM	TĂNG		28,268			19,200	23,906	45.31%	
VGC	20,600	GIẢM	TĂNG		21,692			19,100	18,932	7.85%	
VGT	12,500	TĂNG	GIẢM	11,600	12,444	7.76%			13,091		
VHC	88,700	GIẢM	GIẢM		91,629				104,505		
VHM	92,400	GIẢM	TĂNG		94,182			80,000	81,007	15.50%	
VIB	19,200	GIẢM	TĂNG		19,580			19,700	17,325	-2.54%	
VIC	116,500	GIẢM	TĂNG		119,800			112,000	108,251	4.02%	
VIP	6,490	GIẢM	TĂNG		6,715			7,350	6,276	-11.70%	
VJC	114,700	GIẢM	GIẢM		120,020				130,367		
VND	16,750	GIẢM	GIẢM		17,330				18,694		
VNG	24,000	TĂNG	TĂNG	18,301	23,424	31.14%		16,008	21,679	49.93%	
VNM	138,600	GIẢM	TĂNG		139,939			140,200	132,859	-1.14%	
VPB	20,250	GIẢM	GIẢM		21,382				22,887		
VPI	41,000	GIẢM	GIẢM		41,972				43,124		
VRC	17,200	GIẢM	GIẢM		17,303				19,388		
VRE	36,100	TĂNG	TĂNG	36,100	35,801	0.00%	MUA	35,000	31,679	3.14%	
VSC	41,350	GIẢM	GIẢM		42,750				45,128		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	988.53	0.79%
VN30	905.87	0.64%
VN Mid	999.39	0.61%
VN Small	833.31	-0.08%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	107.72	0.26%
HN30	196.35	0.83%
VNX AllSh	884.06	0.75%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	57.27	-0.40%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	481.67	
Bán	409.89	
GT ròng	71.78	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	15.96	
Bán	14.23	
GT ròng	1.73	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	32.64	
Bán	21.12	
GT ròng	11.51	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HVG	440	6.89%
ASM	480	6.49%
TPB	1350	6.35%
D2D	5500	5.58%
MSN	3700	4.39%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCG	900	3.33%
SHB	200	2.67%
HUT	100	2.56%
PVI	800	2.13%
PVS	400	1.94%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
KDF	2200	6.88%
VGG	3900	5.95%
VGI	1100	4.62%
G36	100	1.59%
LPB	100	1.10%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TDH	-800	-6.96%
OGC	-400	-6.86%
PDN	-6000	-6.45%
DCL	-800	-4.04%
EVE	-500	-3.03%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NVB	-200	-2.22%
NDN	-200	-1.50%
MBS	-100	-0.62%
TAR	-100	-0.33%
VCS	-200	-0.31%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PXL	-500	-6.25%
GVR	-400	-3.33%
VEA	-1500	-2.84%
CTR	-300	-1.15%
VGT	-100	-0.79%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	369,909	
VHM	306,481	
VCB	249,607	
VNM	234,742	
GAS	187,950	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	37,789	
VCG	11,926	
VCS	9,957	
PVS	9,846	
VGC	9,191	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	185,614	
VEA	70,105	
MCH	60,017	
HVN	58,497	
VGI	53,463	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
EIB	19,400,544	3,593,097
ROS	15,081,430	6,421,974
GEX	9,776,900	2,786,311
ITA	5,671,300	6,986,937
VND	5,391,250	1,843,857

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
HUT	2,129,610	2,978,448
PVS	2,080,165	3,306,446
VGC	1,901,920	2,580,532
SHB	1,837,471	8,366,803
VCG	1,414,623	1,797,377

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	2,224,700	2,112,981
VEA	1,244,740	604,806
G20	756,900	108,694
VGI	691,691	731,258
C4G	592,030	574,752

Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
--	------	------

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
--	------	------

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
--	------	------



We Create **Fortune**

VNI	988.53	0.79%
VN30	905.87	0.64%
VN Mid	999.39	0.61%
VN Small	833.31	-0.08%

HNI	107.72	0.26%
HN30	196.35	0.83%
VNX AllSh	884.06	0.75%

UPCoM	57.27	-0.40%
-------	-------	--------

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	481.67	
Bán	409.89	
GT rỗng	71.78	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	15.96	
Bán	14.23	
GT rỗng	1.73	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	32.64	
Bán	21.12	
GT rỗng	11.51	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HVG	440	6.89%
ASM	480	6.49%
TPB	1350	6.35%
D2D	5500	5.58%
MSN	3700	4.39%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCG	900	3.33%
SHB	200	2.67%
HUT	100	2.56%
PVI	800	2.13%
PVS	400	1.94%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
KDF	2200	6.88%
VGG	3900	5.95%
VGI	1100	4.62%
G36	100	1.59%
LPB	100	1.10%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TDH	-800	-6.96%
OGC	-400	-6.86%
PDN	-6000	-6.45%
DCL	-800	-4.04%
EVE	-500	-3.03%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NVB	-200	-2.22%
NDN	-200	-1.50%
MBS	-100	-0.62%
TAR	-100	-0.33%
VCS	-200	-0.31%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PXL	-500	-6.25%
GVR	-400	-3.33%
VEA	-1500	-2.84%
CTR	-300	-1.15%
VGT	-100	-0.79%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	369,909	
VHM	306,481	
VCB	249,607	
VNM	234,742	
GAS	187,950	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	37,789	
VCG	11,926	
VCS	9,957	
PVS	9,846	
VGC	9,191	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	185,614	
VEA	70,105	
MCH	60,017	
HVN	58,497	
VGI	53,463	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
EIB	19,400,544	3,593,097
ROS	15,081,430	6,421,974
GEX	9,776,900	2,786,311
ITA	5,671,300	6,986,937
VND	5,391,250	1,843,857

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
HUT	2,129,610	2,978,448
PVS	2,080,165	3,306,446
VGC	1,901,920	2,580,532
SHB	1,837,471	8,366,803
VCG	1,414,623	1,797,377

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	2,224,700	2,112,981
VEA	1,244,740	604,806
G20	756,900	108,694
VGI	691,691	731,258
C4G	592,030	574,752

Nguồn: Bloomberg & YSVN

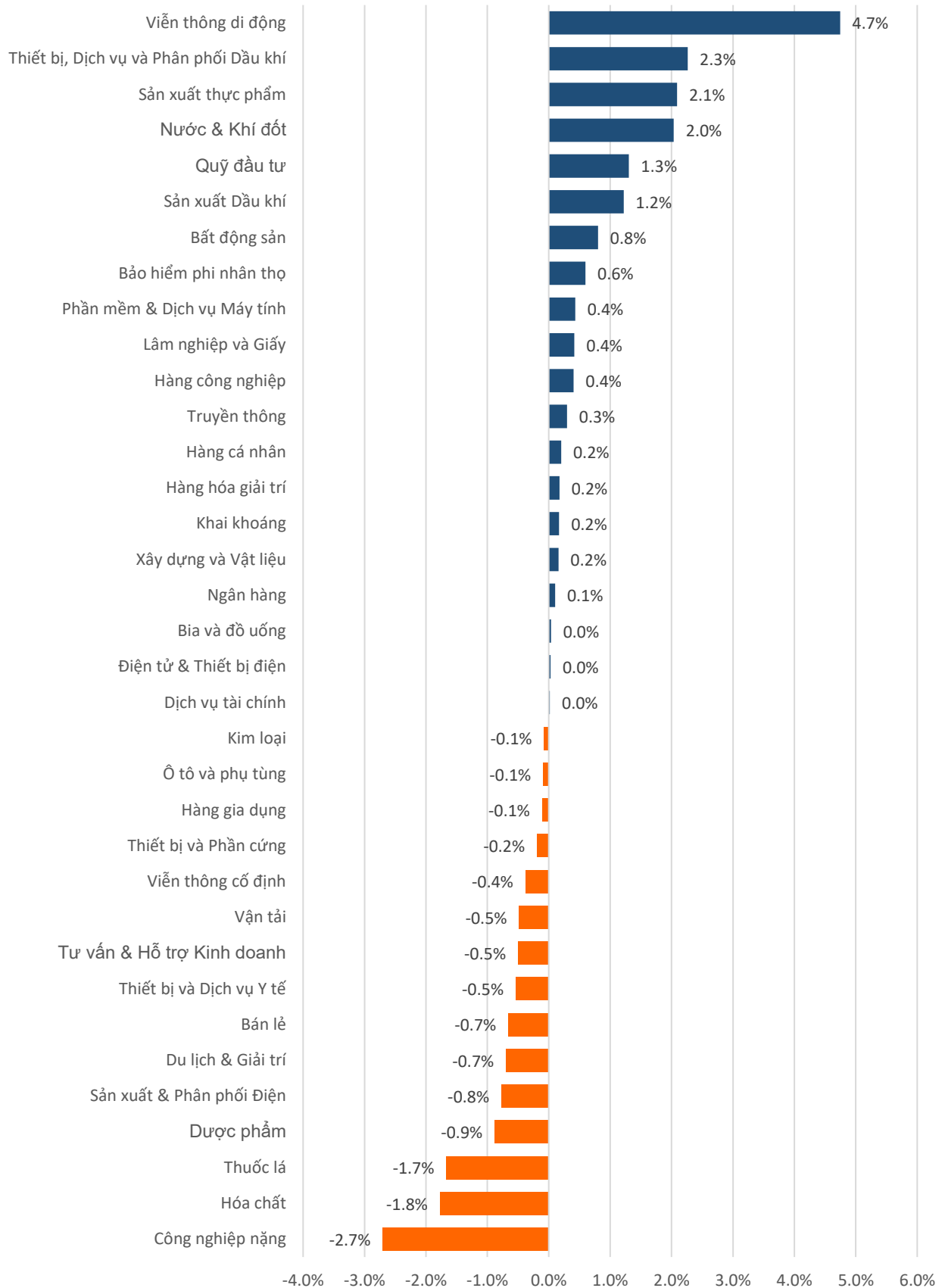
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



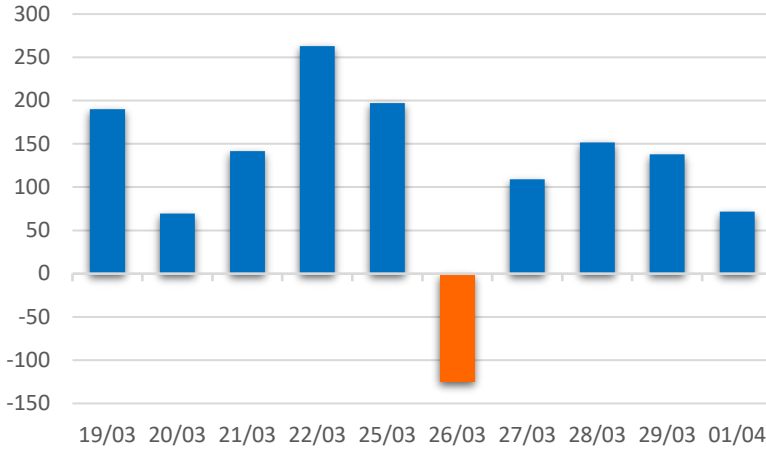
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

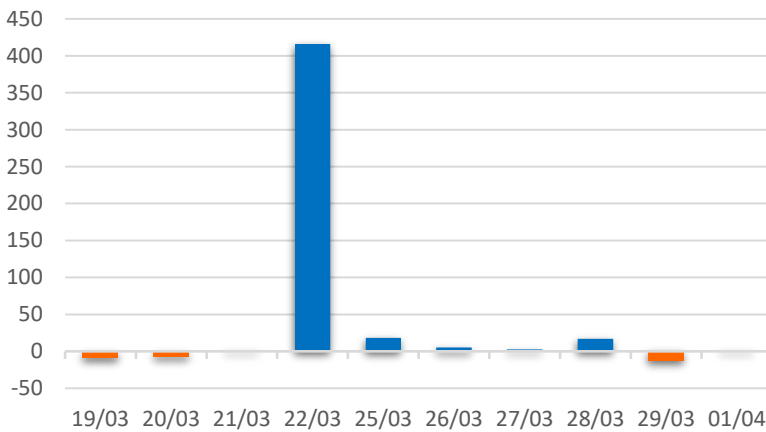
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MSN	61,303	VJC	46,825
VRE	33,058	NVL	26,754
VCB	30,550	E1VFN30	26,570
VNM	25,179	HDB	12,639
VIC	22,579	HCM	12,062

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

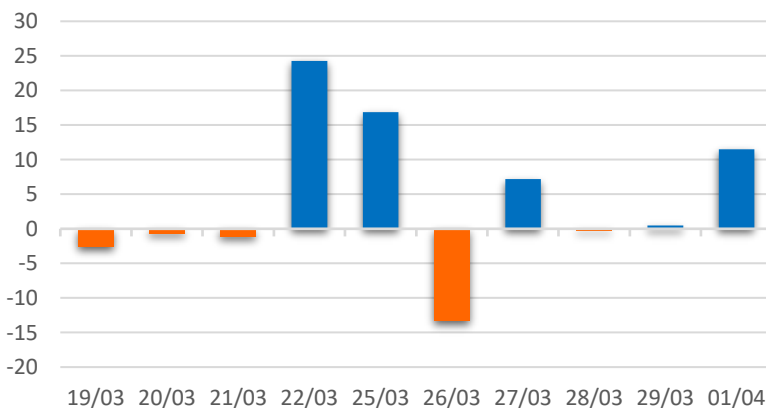
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VGC	9,178	PVS	7,208
SHB	3,014	VCG	2,506
DBT	362	VCS	883
GDW	157	HDA	283
PMC	137	THB	184

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VEA	14,425	BSR	8,506
HVN	5,178	VTP	1,177
MCH	1,116	BTD	274
QNS	850	ACV	144
QHW	59	FOX	105

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



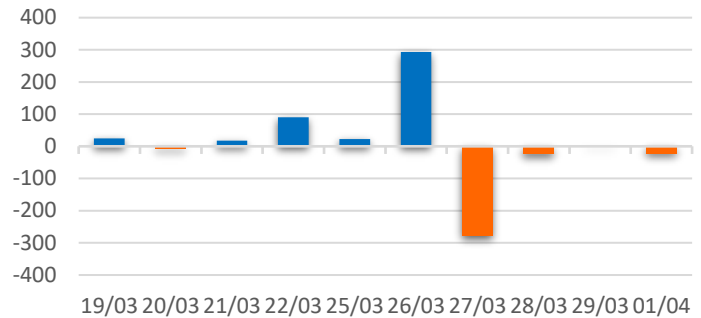
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

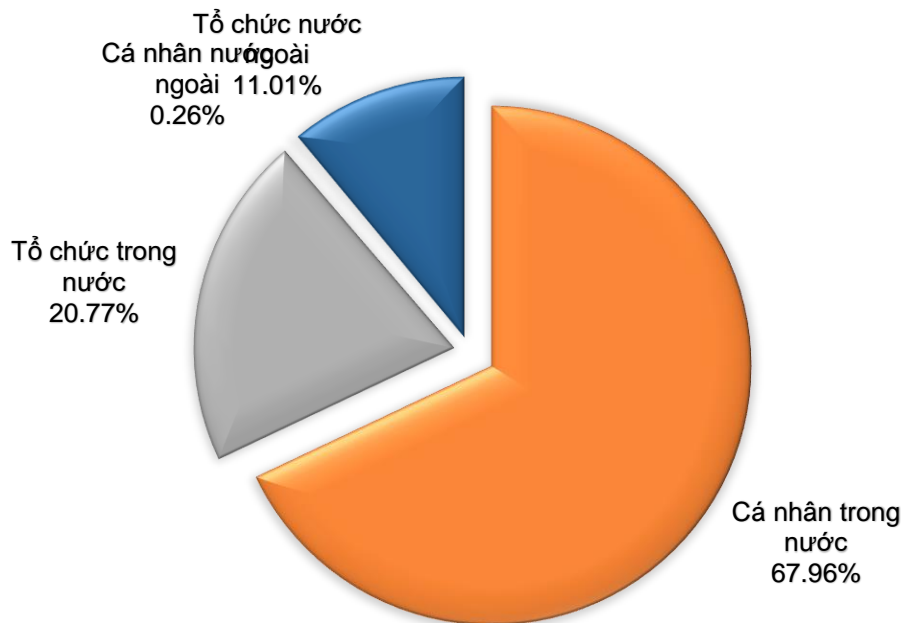
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	41,821	VIC	47,487
VIC	9,644	MSN	21,456
VNM	8,842	VHM	15,538
MBB	2,962	E1VFN30	15,400
PLX	13,913	VNM	9,741

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

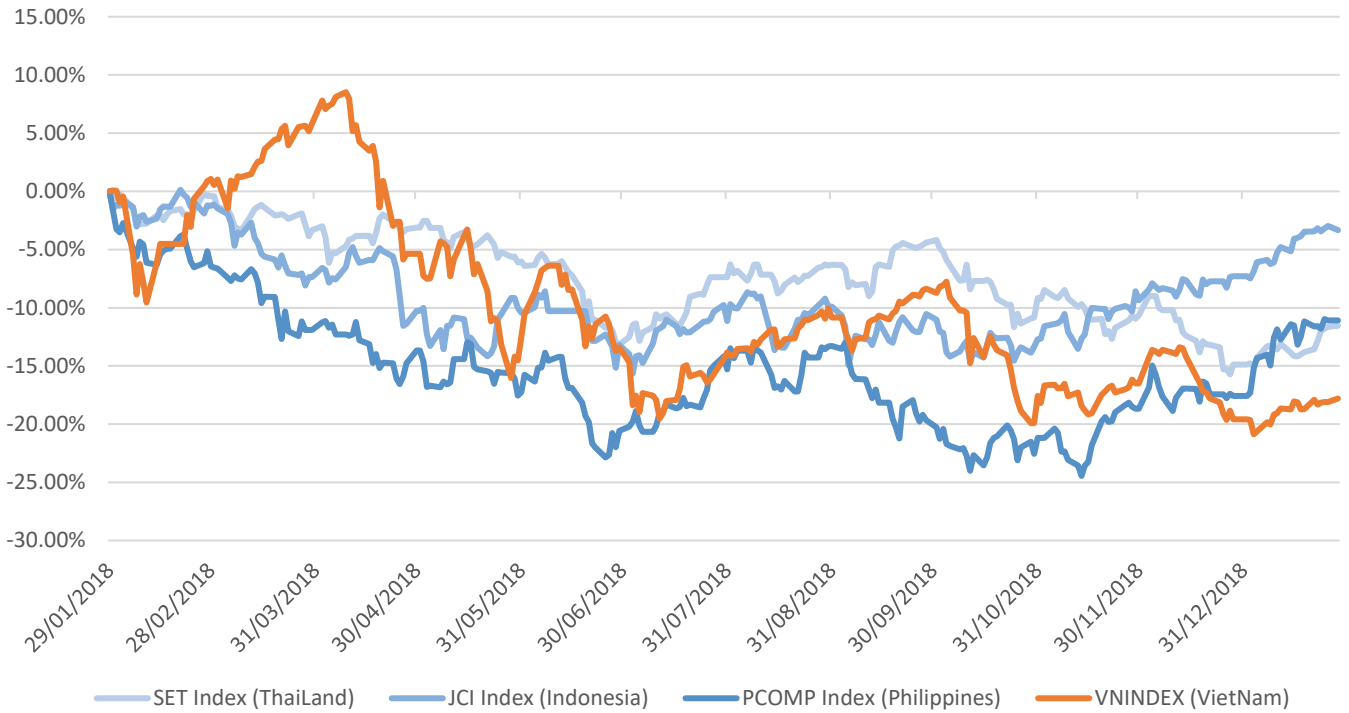


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

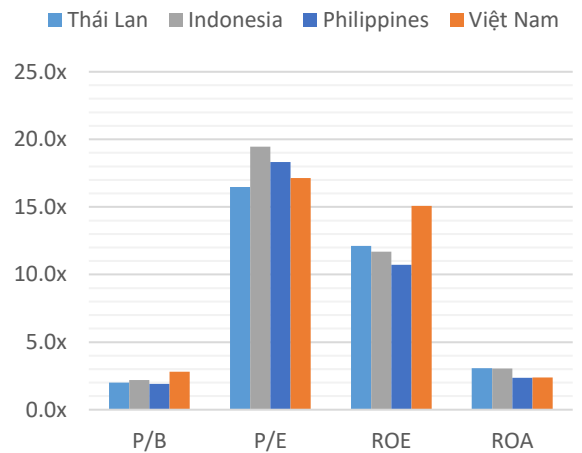
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	1.9x	2.8x
P/E		16.5x	19.5x	18.3x	17.1x
ROE	%	12.11	11.70	10.72	15.08
ROA	%	3.08	3.04	2.36	2.38
Vốn hóa	Tỷ USD	519.50	431.00	164	137.00
GTGD	Triệu USD	1.40	0.28	0.05	0.15
LS cổ tức	%	3.16	2.33	1.65	2.11

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3832

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written